

Vài nét về phong cách ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh

Huỳnh Thị Lan Phương, Nguyễn Văn Nở

1. Hồ Biểu Chánh là một nhà văn lớn của Nam Bộ. Người có công mở đường cho nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Trong buổi bình minh của văn xuôi Quốc ngữ hồi đầu thế kỉ XX, khi mà cả người sáng tác và người tiếp nhận tác phẩm văn chương đều còn bỡ ngỡ, thậm chí có thành kiến đối với những tác phẩm văn xuôi tự sự Quốc ngữ, Hồ Biểu Chánh đã ra sức tạo dựng và bồi đắp cho thể loại tiểu thuyết hiện đại, đưa nó đến gần với độc giả. Hơn nữa ông đã tạo được sự đồng tình của độc giả. Người đương thời và nhiều thế hệ về sau đã đón nhận tác phẩm Hồ Biểu Chánh với tất cả sự nồng nhiệt, trân trọng. Lịch sử văn học Việt Nam không thể phủ nhận đóng góp to lớn của Hồ Biểu Chánh. Một trong những yếu tố làm nên sự thành công ấy chính là tác phẩm của ông có được một hình thức ngôn ngữ đầy ấn tượng, ghi dấu một giai đoạn đặc biệt trong lịch sử văn học Việt Nam, giai đoạn chuyển tiếp giữa hai thời kì lớn của văn học: trung đại và hiện đại; giai đoạn mở đầu của văn xuôi Quốc ngữ. Đồng thời, ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh thể hiện phong cách ngôn ngữ văn xuôi Nam bộ những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Những năm đầu thế kỉ XX, văn hoá phương Tây đã ảnh hưởng lớn đến văn hoá Việt Nam nói chung và văn học Việt Nam nói riêng. Cùng với các nhân tố nội sinh, yếu tố ngoại lai ấy đã làm chuyển biến quan niệm của người sáng tác đương thời. Họ bắt đầu có ý thức về việc đổi mới trong sáng tác nghệ thuật. Văn xuôi bắt đầu tạo được sự quan tâm của người cầm bút. Viết như thế nào? Đó là nỗi trăn trở của các nhà văn thời này. Cách viết cũ, đã sẵn có nhưng "*lối mòn*" ấy mấy ai không thấy chán chường. Cách viết mới, cách viết của văn học hiện đại, còn quá xa lạ đối với người cầm bút lúc bấy giờ. Trong bối cảnh chung ấy, Hồ Biểu Chánh cũng như nhiều nhà văn khác, luôn tìm kiếm cho mình một phương thức thể hiện phù hợp, nhằm tạo được tầm đón nhận rộng lớn của độc giả. Ngôn ngữ là phương diện đã được ông đặc biệt chú ý. Ông đã làm được một việc rất có ý nghĩa đối với tiến trình hiện đại hoá văn học Việt Nam: "*đã đập vỡ cái khuôn khổ văn chương dài các đương thời*" [2, 16] để đưa vào tác phẩm một hệ thống ngôn ngữ mang tính giản dị, đậm sắc thái Nam bộ. Nhưng ông chưa thể vượt qua "*cái ngưỡng*" của thời đại. Ngôn ngữ nghệ thuật trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh thể hiện rõ tính chất giao thời của văn học ở đầu thế kỉ XX. Ngôn ngữ ấy đã mang tính chất mới mẻ nhưng vẫn không thoát li truyền thống. Nhưng có thể nói, Hồ Biểu Chánh đã làm nên một phong cách ngôn ngữ trong tiểu thuyết của mình.

2. Cù Đình Tú có nhận xét: "*Phong cách của Hồ Biểu Chánh là phong cách viết như nói, nói tiếng mà dân chúng Nam bộ thường dùng hàng ngày vào đầu thế kỉ 20. (...) Điều cần phải ghi nhận ở văn Hồ Biểu Chánh qua cả vạn trang tiểu thuyết của ông là: ông viết tiểu thuyết bằng tiếng của dân chúng vùng đồng bằng sông Cửu Long. Lẽ tự nhiên ai cũng hiểu đó vẫn là tiếng Việt, nhưng đó là tiếng Việt ở một vùng cư dân đông đúc tại nơi phía Nam của Tổ quốc với những đặc sắc riêng của nó.*" [3, 310- 312]. Nét đặc sắc riêng đó như thế nào là điều mà chúng tôi tìm hiểu trong bài viết này.

2.1. Như chúng ta biết, phương ngữ mỗi miền đều có cách phát âm riêng. Những biến thể phát âm này sẽ bộc lộ rõ trong giao tiếp khẩu ngữ. Trong ngôn ngữ viết, các biến thể phát âm trên ta không thấy lộ ra do yêu cầu của chính tả. Tuy nhiên, trong tác phẩm văn chương, để miêu tả đúng cách nói năng riêng của từng nhân vật, ở những địa bàn khác nhau, nhà văn có thể khai thác các biến thể phát

âm nói trên bằng cách ghi lại đúng cách phát âm của nhân vật qua con chữ. Dù không nhiều, nhưng trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, chúng ta cũng thấy những biến thể phát âm nói trên. Nó không chỉ xuất hiện trong lời đối thoại của nhân vật mà còn trong ngôn ngữ tác giả. Những biến thể phát âm này thường diễn ra ở bộ phận âm chính và đây thường là hiện tượng rút ngắn độ mở của nguyên âm: *nghĩa nhơn/ nghĩa nhân; đờn ông/ đàn ông; đờn bà/ đàn bà; bất nhơn/ bất nhân; chúa nhật/ chúa nhật; huê viên/ hoa viên; hoan nghinh/ hoan nghênh; lum khum/ lom khom; phước/ phúc; bịnh/ bệnh; hun/ hôn; từng/ tầng; chơn/ chân; hườn/ hoàn; nưng/ nâng...* Ví dụ như:

- "*Cậu mợ làm phước cho ít đồng xu mua cơm ăn.*" (Khóc **thầm**, trang 67)
 - "*Chưa được một năm thì cậu mang bính mà chết*". (Con nhà nghèo, trang 226)
 - "*Thu Hà nghe mấy lời bất nhơn của chồng thì cô lấy làm bất bình*" (Khóc **thầm**, trang 68)
 - "*Con Tý, là đứa tớ gái của bà, hai tay cầm cây chổi cứ lum khum quét nhà, nó quét bụi bay ngang qua mấy ánh mặt trời dọi vô kẹt cửa coi như mấy lần khói chứa trăm ngàn vi trùng nhẩy múa tưng bừng.*" (**Tại** tôi, trang 05)
- Những biến thể phát âm về phụ âm đầu xuất hiện trong tiểu thuyết không nhiều và cũng không phải tiêu biểu nhưng chúng tôi cũng ghi nhận được một số trường hợp sau: *mắc / đắc; hủi / ngữi; nhỏ mức/ nhỏ rúc; nhắm nhía/ ngẳm nghĩa; day/ quay...* Ví dụ:
- "*Cực chẳng đã phải mua, chứ mắc quá*" (Con nhà nghèo, trang 229)
 - "*Tối ngày hủi mùi hôi dưới đường mương hoài.*" (Chút **phận** linh **đình**, trang 06)
 - "*Chơn mảy nàng cong vòng mà lại nhỏ mức.*" (Ngọn **cỏ** gió **đùa**, trang 71)
 - "*Ông Phán day mặt chỗ khác.*" (Thiệt **giả** **giả** **thiệt**, trang 61)
 - "*Chúa Tàu ngó Thu Thuỷ dọi nhắm nhía áo quần cho xong rồi mới hỏi.*" (Chúa Tàu Kim Quy, trang 110)

Hồ Biểu Chánh đã thể hiện phần nào đặc điểm phát âm của người Nam bộ. Cách phát âm ấy, đến nay vẫn phổ biến trong phong cách khẩu ngữ. Nhờ đó, Hồ Biểu Chánh đã thể hiện chân thật và sinh động cách nói năng của người dân Nam bộ và góp phần làm nên phong cách ngôn ngữ của tác giả.

2.2. Tài năng, phong cách của người nghệ sĩ bộc lộ chủ yếu qua cách vận dụng vốn từ vựng vào tác phẩm đúng cách, đúng chỗ, đúng mục đích. Khi viết tiểu thuyết, Hồ Biểu Chánh đã có dụng ý hướng đến quảng đại quần chúng. Đối tượng công chúng lớn nhất của ông là giới bình dân. Vì thế Hồ Biểu Chánh đã chú ý sử dụng từ ngữ thật giản dị, mộc mạc, gần gũi, dễ hiểu. Từ ngữ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh phần lớn nằm trong hệ thống tiếng Việt toàn dân và luôn giữ được chất bình dị tự nhiên. Trong bối cảnh văn chương truyền thống hãy còn ảnh hưởng sâu nặng đến người sáng tác và độc giả, làm được việc này quả là không đơn giản! Điều đó càng thể hiện rõ đóng góp to lớn của Hồ Biểu Chánh đối với văn học hiện đại. Và một trong những dấu ấn riêng của Hồ Biểu Chánh về mặt từ ngữ là ông đã vận dụng một cách khéo léo và phong phú lớp từ địa phương Nam bộ, không chỉ trong ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật mà cả trong văn miêu tả, lời thuật truyện của nhà văn. Có thể thấy rõ ngôn ngữ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là một thứ "*ngôn ngữ ngôn ngôn chất sống và giàu màu sắc địa phương*".

2.2.1. Người đọc sẽ bắt gặp nhiều từ ngữ quen thuộc, phổ biến ở vùng đất Nam bộ trong tác phẩm Hồ Biểu Chánh như: *nín khe, giống gì, ngó, buồn hiu, té ra, lạ hoắc, xí được, chưng dọn, hẩn hòi, thiệt tốt, quấy, bễ nào, khoái chí, mấy bữa rày, hôm nay, mừng quýnh, cứng cát, riu riu, rần, tử rày sắp lên, lục đục, đi riết, không dè, om sòm, không thềm, lật đật, lung lăm, cẳng, hàng tư...* Ví dụ như:

- " *Trắng thanh gió mát mà Duy Linh nhớ tới Phi Phụng có chồng mờ hôi rịn hai bên màng tang ướt đầm, lật đật thúc bước đi riết về nhà không dám ghé nghiêng một mình ngoài đường vắng. Anh ta lằm lũi đi vô tới Châu Thành, tiếng giầy khua dưới đá nghe lộp bộp, chớ ngủ trước cửa nhà ở dựa đường giạt mình chạy ra đứng sủa om sòm. Anh ta cứ ngó xuống đất mà đi, không thèm kể đến.*" (Nhơn tình **ấm lạnh**, tr 25)

- " *Thằng Phùng với một người nữa Thị Tố không biết tên, đương ngồi chàng háng ngoài hàng tư*" (Con nhà nghèo, tr 52)

- " *Mợ dẫn lòng nhin thua mà coi bộ tức giận lung lằm* " (Con nhà nghèo, tr155)

2.2.2 Nhiều từ địa phương nếu không dựa vào văn cảnh hoặc nếu không có vốn từ địa phương Nam bộ thì sẽ rất khó hiểu. Chúng ta thử so sánh một số từ địa phương trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh với những từ ngữ có nghĩa tương đương của tiếng Việt toàn dân sẽ thấy rõ điều đó.

- **đụng**: nam nữ lấy nhau
- **để vợ, để chồng**: li dị
- **dòm, coi**: xem
- **bắt xén**: nhen nhúm, bắt đầu
- **ể mình**: bệnh
- **ám sát**: bám theo
- **trọng**: khá lớn
- **day mặt**: quay mặt
- **ráng**: cố gắng
- **dè**: ngờ
- **bận đi, bận về**: chuyển đi, chuyển về
- **riết**: nhanh
- **xăng xóm**: (đi) mau
- **xấp xài**: bay qua bay lại
- **trăn**: giữ lại, níu lại...

Lớp từ này thường được sử dụng trong ngôn ngữ đối thoại nhằm miêu tả tâm lí và khắc hoạ tính cách nhân vật.

2.2.3 Hồ Biểu Chánh đã khai thác triệt để lớp khẩu ngữ Nam bộ. Từ khẩu ngữ không chỉ xuất hiện trong lời đối thoại giữa các nhân vật mà có được nhà văn dùng khi miêu tả hay thuật truyện. Hàng loạt các từ khẩu ngữ sau đây đã được tác giả sử dụng trong nhiều tác phẩm của mình: *buồn nguyền, đầy nhóc, dịu nhũ, tròn vìn, mừng quỳnh, sáng bét, chết điếng, rộng hòng, bóp tai, đá nư, buồn so, dùm năm dùm ba, cụt ngòi, cụt vốn, thúi lằm, hỉ mũi, giả đờ, xụi lơ, chứt đỉnh, xài, một đồng điếu cũng không loại, cái việc sập nhà sập cửa, ...*

Ví dụ: " *Con Quyên ra đi thì lòng mừng khắp khởi, miệng chum chim cười. Tuy nó mặt đỏ vãi bô, song mặt nó trắng tươi môi nó đỏ lòm, gò má nó tròn vìn, chân mày nó **nhỏ mứt**, bàn tay nó **dịu nhũ**, tướng nó đi khoan thai.*" (Cha con nghĩa **nặng**, 109).

Còn đây là lời của nhân vật: " *Bên Tây nhà giàu họ xài tiền đúng lằm, nhằm chuyện bao nhiêu họ cũng không tiếc, còn không nhằm chuyện, dầu một **đồng điếu** họ cũng không loại, chớ không phải họ xài như mình vậy đâu*" (Khóc **thâm**, tr 66).

Và với lời thuật truyện tác giả cũng dùng từ khẩu ngữ, điều mà nhiều nhà văn ít khi vận dụng: " *Trần Văn Sửu nín khe, bỏ đi thẳng vô nhà bếp. Anh ta thấy bếp núc lạnh tanh, mà sắc mặt chẳng có một chút giận nào hết. Anh ta xách nôi đi xúc gạo đem vo, rồi nhúm lửa bắt lên mà nấu. Thị Lựu không hề léo vô bếp.*" (Cha con nghĩa **nặng**, tr 7)...

Đưa từ khẩu ngữ vào tác phẩm văn chương, đó là một sự thay đổi lớn về quan niệm sáng tác. Trước thế kỉ XX, các nhà văn nhà thơ thường chú trọng đến yếu tố ngôn ngữ. Đối với họ, ngôn ngữ văn chương cần phải qua sự sàng lọc cẩn thận. Càng "cầu kì bóng bẩy" sẽ càng "trang trọng đài các" như thế mới "Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu". Cùng thời với Hồ Biểu Chánh, nhiều tác giả khác như Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Trọng Thuật... vẫn giữ cung cách gọt giũa cẩn thận từng câu chữ. Vì thế họ chưa tạo được nét mới về ngôn ngữ qua sáng tác của mình. Ngôn ngữ trong tác phẩm của họ có điểm chung là xa lạ với tiếng nói hàng ngày của quần chúng, rất kiểu cách, cầu kì. Sự xuất hiện của từ khẩu ngữ với tần số không nhỏ đã làm cho tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh có sự gần gũi, quen thuộc với công chúng bình dân. Người đọc có cảm giác như được nghe chính tiếng nói của mình, được chia sẻ, được cảm thông. Vì thế, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đã mang màu sắc của chính cuộc sống thực. Đưa từ khẩu ngữ vào tác phẩm văn chương đã trở thành sở trường của Hồ Biểu Chánh. Đây là một đóng góp đáng kể đối với văn học hồi đầu thế kỉ, Hồ Biểu Chánh đã "khẳng định có thể dùng khẩu ngữ của dân chúng Nam bộ làm cơ sở để xây dựng tác phẩm văn chương" [3, 313].

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng khẩu ngữ, Hồ Biểu Chánh để lại một ít hạn chế. Ông chưa chú ý sàng lọc, chưa tập hợp những tinh hoa của khẩu ngữ Nam bộ. Không ít trường hợp, khi đưa khẩu ngữ vào tác phẩm, Hồ Biểu Chánh tỏ ra dễ dãi, vô tình làm ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ của ngôn ngữ văn chương trong tác phẩm nghệ thuật, ít nhiều gợi lên tính chất thông tục hoá. Ví dụ:

- "Tao đánh bài, dầu có thua đi nữa, thì tao thua tiền của tao, chứ phải tiền bạc của cha mẹ mà chờ đến đây hay sao mà mày nói? Tao là con nhà giàu, từ nhỏ đến lớn tao ăn xài bài bạc chơi đã quen rồi chứ phải quân ăn mày coi đồng bạc như cái bánh xe đậu. Mày có chê tao thì mày để tao ra rồi đi cưới vợ khác đi. Cha chả! Mày tưởng tao màng cái tuồng mặt mày lắm sao? Bực mày là đồ bỏ đũa, đừng có làm phách?" (Thầy Thông ngôn, tr 83).

- "Hả! Mày nói sao? Cái léo mẹ tiên tổ mày, mày hư, mày thúi, mày làm đi lấy trai ở đâu cho có chữa, bụng thè lè, rồi bây giờ mày nói xán xã cho cháu tao hả? Cháu tao như rồng như phụng, còn mày là quân ăn mày, mày rửa đi cho nó cũng chưa được, sao mày dám nói như vậy?" (Nợ đời, tr 39)

Dường như Hồ Biểu Chánh muốn diễn tả thật cụ thể, sống động tính cách của những nhân vật phản diện. Bởi cách nói năng như trên thường được tác giả mớm vào cửa miệng của những kẻ độc ác, ích kỉ tham lam hay hư thân mất nết. Thế nhưng, vẫn có trường hợp không hẳn như vậy. Trong tác phẩm "Thầy thông ngôn", tác giả miêu tả cô Sáu Lý là một cô gái khôn khéo, lanh lợi nhưng không kém phần nết na. Thế mà, có những đoạn văn viết về cô gái ấy hay thuật lại lời đối thoại của cô Sáu Lý vẫn có nhiều từ khẩu ngữ mang sắc thái thô thiển nặng nề. Ví dụ: "Cô đợi một hồi lâu không nghe thầy trả lời, cô mới đứng dậy **hi mũi** mà nói..." (trang 46) hay: "Thầy thúi **lắm**, làm trai như vậy nên **lắt cái mặt** mà **quăng đi**" (trang 48).

Đây là một đặc điểm chung của văn xuôi quốc ngữ Nam bộ hồi đầu thế kỉ XX. Không riêng gì Hồ Biểu Chánh, nhiều tác giả khác cũng có cách sử dụng từ khẩu ngữ như thế. Có lẽ đó là một tất yếu của giai đoạn giao thời khi văn học mới từ già cung cách đài các, trang trọng, khuôn phép để tiến đến lối viết tự nhiên, gần gũi với quần chúng lao động. Mặc dù khi dùng từ khẩu ngữ, Hồ Biểu Chánh chưa đạt được sự thành thực khéo léo như Ngô Tất Tố, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, thế nhưng không ai có thể phủ nhận sự hiện diện thường xuyên của từ khẩu ngữ trên từng trang viết đã đưa tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đến gần với đông đảo công chúng bình dân. Tầm đón nhận của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh vừa rộng lớn, vừa lâu bền. Lời giải đáp cho thực tế ấy cũng không loại trừ việc sử dụng từ khẩu ngữ.

2.2.4. Từ láy không thể thiếu được khi nhà văn quan tâm đến giá trị biểu cảm của ngôn ngữ văn chương. Hồ Biểu Chánh không là một ngoại lệ. Ở tiểu thuyết của ông., chúng ta bắt gặp hàng loạt từ láy: *láo liên, lụng khụng, om xòm, trả treo, lẳng nhẳng, tả tơi, lơn tơn, lẳng xẵng, xó ró, nhùn nhục, trộ trạo, chớm bớm, chim bím, xén lén, riu riu, ngòn nghèn, tèm lem, xấn bấn, bợ ngợ, ké né, lật đật, cấn rấn, nhần nhín, trèo treo...*

Những từ láy được Hồ Biểu Chánh dùng trong tác phẩm thường xuất hiện với tư cách là động từ hay phó từ. Có từ láy thuộc hệ thống ngôn ngữ toàn dân nhưng phần lớn là những từ được sử dụng trong phạm vi hẹp, phần nào mang tính thời đại. Nếu không đặt vào văn cảnh cụ thể sẽ khó giải thích được ý nghĩa của từ và những từ ấy đến nay không còn phổ biến, ngay cả trên vùng đất Nam bộ. Ví dụ:

- "*Thu Hà thấy chồng, cô không ái ngại chi hết, có lúc cô đứng gần một bên chồng, có chuyện cô phải nói với chồng, mà dẫu đứng gần hay nói chuyện cô cũng giữ tư cách tự nhiên, cô chẳng hề ké né, bợ ngợ*" (Khóc thắm, trang 54)

- "*Anh ta mặc một cái áo đen màu nhùng nhục, một cái quần vải lai đứt tả tơi, dẫu bị trùm cái khăn rằn, miệng ngậm trầu một búng*" (Cha con nghĩa nặng, trang 05)

- "*Thu Hà thấy người già yếu đói rách, cô động lòng nhưng vì hồi sớm mai cho đến bây giờ cô cho người ta tiền hai lần, đều bị chồng trộ trạo, cô sợ cho nữa bị chồng rầy...*" (Khóc thắm, trang 68)

- "*Bổn tánh nó trầm tĩnh, ít hay nói, ít hay cười, mà từ ngày mẹ nó chết, cha nó mất rồi, thì nó càng chim bím không chịu chơi bời với con nít lối xóm...*" (Cha con nghĩa nặng, trang 91)

Góp phần quan trọng vào việc tăng thêm tính hình tượng, sinh động và cụ thể trong việc miêu tả ngoại hình, tâm lí, tính cách nhân vật... là lớp từ láy từ. Lớp từ này xuất hiện với một tần số khá cao và cũng góp phần tạo nên phong cách ngôn ngữ Hồ Biểu Chánh như: *lao nhao lỗ nhổ, dập dính dập dưới, chộn rộn chàng ràng, hun trơ hun trắt, lu ầm lu ì, xui xị xui lơ, lẳng xẵng lít xít, chết ngắt chết ngóm, bù xa bù xích,...* Ví dụ:

- "*Lúc mặt trời chen lặn, tại nhà ga xe lửa Tân An, thiên hạ lao nhao lỗ nhổ, người đợi xe đi Mỹ Tho thì sắp soạn hành lí lẳng xẵng, kẻ chức rước người ở Sài Gòn về thì đi tới đi lui lóng nhóng.*" (Thầy Thông ngôn, trang 460)

- "*Thầy thông Phong nằm mê sảng, bứt áo giựt tóc, một lát chờn vờn ngời dậy muốn chạy, miệng nói tia lía, song thầy nói **dấp dính dập dưới**, không biết nói việc gì...*" (Thầy Thông ngôn, tr 551)

- "*Lúc ấy, Trần Văn Sửu mất trí khôn, hết nghị lực máu trong tim chảy thành thạch, nước trong con mắt tuôn ròng ròng, đứng xui **xị xui lơ**, không nói được một tiếng chi hết.*" (Cha con nghĩa nặng, trang 177-178)

Những từ láy xuất hiện trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh thể hiện rõ tính chất phương ngữ. Cùng với từ khẩu ngữ, từ địa phương, từ láy đã góp phần tô đậm sắc thái Nam bộ ở ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh.

2.1.5. Hồ Biểu Chánh còn đưa vào tác phẩm nhiều thành ngữ. Lớp từ này được tác giả vận dụng rất đa dạng và phong phú. Câu văn xuôi của Hồ Biểu Chánh có tính thuyết phục là nhờ vào thành ngữ. Thành ngữ cũng góp phần không nhỏ trong việc biểu đạt tình cảm, ghi lại cuộc sống của người Nam bộ bằng cách diễn đạt riêng vừa hình tượng, vừa khái quát tạo cho câu văn thêm phần hấp dẫn, thú vị có sức thuyết phục cao. Cách vận dụng thành ngữ của tác giả rất uyển chuyển, linh hoạt, hợp lí, không gò bó và với nhiều hình thức khác nhau: vận dụng nguyên mẫu và cải biến.

Ta bắt gặp trong tác phẩm của ông những thành ngữ ở dạng nguyên mẫu như: *tan xương nát thịt, sóng dập gió dồi, trôi sông lạc chợ, no cơm ấm áo, mặt dạn mày dày, lên xe xuống ngựa, ngậm đắng nuốt cay, đủ lông đủ cánh, chịu đấm ăn xôi,...*

Nét riêng trong sự vận dụng và mang đậm tính Nam bộ thể hiện rõ qua những thành ngữ được dùng ở dạng cải biến.

+ Cải biến cách phát âm: *Tu nhơn tích đức (tu nhân tích đức), nhắm mắt đưa chơn (nhắm mắt đưa chân), tâm đầu ý hiệp (tâm đầu ý hợp), cải tử hườn sanh (cải tử hoàn sinh)*... Ví dụ:

- "Tôi *tu nhơn tích đức* không muốn sanh sự." (Ai làm **được**, tr 439)
 - "Cha cấm tuyệt không cho *thấy được* nữa, vậy thì chàng **phải nhắm mắt đưa chơn** mà bước vào đường đời." (Chúa tàu Kim Quy, tr 30)

+ Cải biến từ vựng: *gheo nguyệt giỡn hoa (gheo nguyệt trêu hoa), ma cũ ăn hiếp ma mới (ma cũ bắt nạt ma mới), chuột rút trong hũ nếp (chuột sa hũ nếp), dầm sương gội nắng (dầm sương dãi nắng), xót ruột bầm gan (bầm gan tím ruột), nưng khăn sửa tráp (nâng khăn sửa túi), ...* Ví dụ:

- "Ba Thời bốn tánh hà tiện... nuôi gà nuôi vịt trông cho nó lớn **đặng bán**...nay **biểu chông** thì **xót ruột bầm gan**." (Cay **đắng** mùi **đời**, trang 181)

- "Nếu anh chẳng chê em là gái hư hèn, anh **khứng** cho em **nưng khăn sửa tráp**, thì em **nguyện**." (Chúa tàu Kim Quy, trang 156)

Hồ Biểu Chánh đã chắt lọc và sáng tạo lại lời ăn tiếng nói của nhân dân và vận dụng vào trong sáng tác của mình. Điều này không chỉ góp phần làm nên phong cách ngôn ngữ trong tiểu thuyết của ông mà còn là sự đóng góp của nhà văn vào kho tàng ngôn ngữ dân tộc.

2.1.6. Hồ Biểu Chánh là một nhà văn có sự thận trọng trong việc sử dụng từ ngữ, chính ông đã tạo cho ngôn ngữ trong văn xuôi có được những đặc điểm mới, đưa văn xuôi Quốc ngữ đi vào con đường hiện đại. Kể từ Hồ Biểu Chánh, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương và ngôn ngữ trong cuộc sống không còn khoảng cách như trước kia. Đó là đóng góp to lớn, là thành công đáng ghi nhận của Hồ Biểu Chánh. Tuy nhiên, đọc tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh người đọc đã phải xuyt xoa, tiếc nuối vì trong bát cơm trắng trong đôi khi còn rơi rớt mấy hạt sạn vô tình. Có nhiều từ ngữ Hồ Biểu Chánh đưa vào tác phẩm chưa thật hợp nghĩa khi đặt vào văn cảnh cụ thể. Thậm chí có những từ chưa đúng.

Ví dụ: "*Mày đặt chuyện bậy bạ! Nó lấy ai đâu có chữa. Sao mày dám nói xán **xả** cho cậu Hai.*" (Từ "**xán xả**" đặt vào câu văn trên chưa thật hợp nghĩa. Dung ý của tác giả muốn diễn tả lời của nhân vật này cho nhân vật kia đã áp đặt tội lỗi vào người khác.)

- "*Thu Vân nghe như vậy lại càng ráng sức lo lắng hơn nữa, đã lo tráo trở vật ăn cơm, mà trúa lại còn làm bánh, tối lại còn chưng trứng gà, **đặng** cho ông ăn giải lao.*" (Chút **phận** linh **đình**, tr 177) (Từ "**tráo trở**" mang ý nghĩa âm tính, thường dùng để chỉ một hành động xấu. Với việc làm của Thu Vân không thể dùng từ "**tráo trở**" để miêu tả)

- "*Tình cảm của em nặng nề, **xâu xia**, nó có thể **đè** em, **nhận** em **chết** được.*" (Từ "**xâu xia**" không thể dùng để diễn đạt tình cảm).

Còn nhiều trường hợp khác, mà người viết chưa thống kê hết trong bài viết này đã cho thấy hạn chế đáng tiếc về mặt từ ngữ trong ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh.

2.3. Cú pháp cũng là một yếu tố quan trọng thể hiện đặc điểm ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Câu văn xuôi của ông thể hiện nét đặc trưng của văn học giai đoạn giao thời: cái cũ, cái mới đan xen nhau. Hồ Biểu Chánh chưa thể "*đoạn tình*" với câu văn biền ngẫu, có vần có đối. Nhưng mong muốn đổi mới đã thôi thúc ông tiếp nhận lối văn "*trơn tuột như lời nói thường*". Ngay trong cùng một tác phẩm, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh vẫn có hai cách viết văn như đã nói. Ví dụ tác phẩm "Con nhà nghèo" có nhiều đoạn được viết hình thức tự nhiên như lời ăn tiếng nói của người Nam bộ: "*Bà chủ cười mà nói: Người đáng **lầm** mà, không ham tiền mà cũng không **mê** gái. Hôm trước ông chủ đi qua nhà việc, **ổng** về **ổng** trầm*

trở khen hoài, ông nói con gái Chợ Giồng muốn quan kinh lí nên áp theo ve vãn mà ông không thèm đưa nào hết. Bà Hương bộ Bảy đem lo cho ông đến hai trăm đồng bạc mà ông không thèm ăn, ông kêu ông trả lại. Còn nhỏ tuổi mà tánh tình như vậy đó. Tôi nói con Thục đụng ông nó có phước mà" (Trang 294).

Nhưng cũng không hiếm những đoạn văn có sự nhịp nhàng đăng đối như lối văn biền ngẫu: "Một buổi chiều, trời mưa mới dứt hạt, nào trong rào cây cỏ còn loi ngoi, trước sân nước ứa đọng thành vũng. Mấy đám ruộng nào lúa cấy đã bén rồi thì phơi màu xanh lét, còn mấy đám ruộng mới cấy vài bữa, thì màu còn vàng khè.

Trong bưng, ếch ương nổi nhau mà khóc, tiếng nghe uểnh oang. Sau hè nhái nhỏ đua nhau mà la, tiếng nghe lét chét." (trang 168)

Những đoạn văn câu kì, trau chuốt đã điểm xuyết cho lối văn dung dị tự nhiên "trơn tuột như lời nói thường". Có lẽ Hồ Biểu Chánh đã rút ra bài học kinh nghiệm từ trường hợp của Nguyễn Trọng Quản. "Truyện Thầy Lazarô Phiền" ra đời với lối văn trơn tuột như lời nói thường đã làm nên một bước đột phá trong văn học. Nhưng độc giả đương thời chưa chấp nhận cách viết văn thoát khỏi hẳn cách viết truyền thống. Chính cách viết của Hồ Biểu Chánh đã mang đến cho người đọc lúc bấy giờ một món ăn tinh thần rất hợp thị hiếu.

Câu văn giản dị tự nhiên, bình dân trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đã góp phần làm nên sự thành công của tác giả khi thể hiện tính cách của con người Nam bộ: bộc trực, thẳng thắn, nói năng ít văn chương rào đón. Họ nghĩ sao nói vậy, nói thẳng ruột ngựa, không thích che đậy dấu diếm. Câu văn trơn tuột như lời nói thường đã hình thành nên một văn cách riêng của Hồ Biểu Chánh. Trong giai đoạn giao thời của lịch sử văn học Việt Nam, nó đã đóng góp không ít cho quá trình hiện đại hoá văn chương, vì đã "đập vỡ cái khuôn khổ văn chương đài các." [2, 567]

Những câu văn nhịp nhàng, đăng đối đã chứng minh hiện đại hoá không có nghĩa là đoạn tuyệt với truyền thống. Sự thay thế dần dần, đó là cách giải quyết sáng suốt nhất sẽ đáp ứng được yêu cầu của thời đại. Nhưng thật đáng tiếc, vì những năm về sau, nhất là sau năm 1932, Hồ Biểu Chánh vẫn giữ nguyên cách viết như thế. Do đó, ở phương diện này tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đã không theo kịp xu thế phát triển chung của văn học dân tộc.

3. Khi viết tiểu thuyết, Hồ Biểu Chánh không có dụng ý làm cách mạng về nghệ thuật trong văn chương. Nhưng những cố gắng cách tân cùng với sự khéo léo của ông đã biến ngôn ngữ đậm phong cách khẩu ngữ trở thành ngôn ngữ văn chương. Ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đánh dấu sự khởi đầu cho bước phát triển của câu văn xuôi hiện đại. Qua ngôn ngữ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, chúng ta thấy rõ ông là một nhà văn đã miệt mài "lao động ngôn ngữ", ông viết văn "có trách nhiệm với nghề nghiệp". Hồ Biểu Chánh đã biết chọn cho mình một con đường ngắn nhất để đi đến thành công, đó là: "Học tập ngôn ngữ dân tộc, học tập văn chương của các nhà văn đi trước". Vì thế ông đã "viết nên những tác phẩm có giá trị về nghệ thuật ngôn từ." [1,176].

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương - Lí luận văn học- vấn đề và suy nghĩ - Nhà xuất bản Giáo dục, năm 1999.
2. Thanh Lăng - Bảng lược đồ Văn học Việt Nam - Nhà xuất bản Trình Bầy, năm 1967.
3. Cù Đình Tú - Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt - Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2003.